TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 -BẮC NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2026/HNGĐ-ST
Ngày 30/3/2026
V/v "Ly hôn, con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2-BẮC NINH, TỈNH BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Sự

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Bào

Ông Lê Văn Đô

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Nguyễn Ánh- Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 2 -Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện VKSND Khu vực 2 - Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh M - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2 -Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 254/2025/TLST-DS ngày 13 tháng 11 năm 2025 về việc tranh chấp "*Ly hôn, con chung*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2025/QĐST-HNGĐ ngày 25/02/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2026/QĐST-HNGĐ ngày 17/3/2026giữa các đương sự:

** **Nguyên đơn**: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1983 (có mặt)*
Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, tỉnh Bắc Ninh.
** **Bị đơn**: Anh Đặng Văn C, sinh năm 1981 (vắng mặt)*
Địa chỉ: Thôn B, xã H, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:

-Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đặng Văn C kết hôn với nhau ngày 10/9/2001, trước khi kết hôn vợ chồng được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện H, tỉnh Bắc Giang (nay là xã H, tỉnh Bắc Ninh). Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống với nhau ngay. Trong quá trình chung sống tình cảm vợ chồng vẫn bình thường, sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do anh Đặng Văn C hay uống rượu, say xỉn, không có trách nhiệm đến vợ con, mặc dù đã được gia đình hai bên khuyên bảo nhưng anh C vẫn không thay đổi. Vợ chồng chị đã ly thân từ tháng 02 năm 2024 cho đến nay, hai bên không còn quan tâm đến nhau, không còn liên lạc với nhau . Hiện nay chị và các con đã về bố mẹ để ở từ tháng 02

năm 2024 cho đến nay. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, xin được ly hôn anh Đặng Văn C.

- Về con chung: Chị xác định vợ chồng có 04 con chung cụ thể; Cháu Đặng Thị N, sinh ngày 24/11/2002, hiện nay đã trưởng thành và đi làm, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết; cháu Đặng Thị Hoài T, sinh ngày 17/12/2009; cháu Đặng Hoài A, sinh ngày 14/7/2017; cháu Đặng Công L1, sinh ngày 18/04/2020. Hiện nay các con chung đang ở với chị, sức khỏe các cháu phát triển tốt. Khi ly hôn chị xin nuôi cả 4 cháu, yêu cầu anh Đặng Văn C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị cho 03 cháu gồm cháu Đặng Thị Hoài T1, sinh ngày 17/12/2009; cháu Đặng Hoài A, sinh ngày 14/7/2017; cháu Đặng Công L1, sinh ngày 18/04/2020, mỗi cháu 1.000.000 đồng/ tháng cho đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi.

-Về tài sản chung, tài sản riêng; công sức; công nợ chung, nhà ở, quyền sử dụng đất; ruộng đất và các vấn đề khác: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị L có mặt giữ nguyên yêu cầu ly hôn và con chung, chị thay đổi về vấn đề cấp dưỡng. Chị xin rút yêu cầu cấp dưỡng đối với 3 con chung.

* Bị đơn anh Đặng Văn C trình bày:

-Về quan hệ hôn nhân: Anh nhất trí với phần trình bày của chị L về thời gian kết hôn. Trong quá trình chung sống tình cảm vợ chồng vẫn bình thường, không có mâu thuẫn gì. Chị L đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống và vợ chồng chị đã ly thân từ tháng 02 năm 2024 cho đến nay.

- Về con chung: Anh Đặng Văn C xác định vợ chồng có 04 con chung cụ thể; Cháu Đặng Thị N, sinh ngày 24/11/2002, hiện nay đã trưởng thành và đi làm, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết; cháu Đặng Thị Hoài T, sinh ngày 17/12/2009; cháu Đặng Hoài A, sinh ngày 14/7/2017; cháu Đặng Công L1, sinh ngày 18/04/2020. Hiện nay các con chung đang ở với chị Nguyễn Thị L, sức khỏe các cháu phát triển tốt. Khi ly hôn chị Nguyễn Thị L xin nuôi cả 4 cháu, yêu cầu anh Đặng Văn C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị cho 03 cháu gồm cháu Đặng Thị Hoài T1, sinh ngày 17/12/2009; cháu Đặng Hoài A, sinh ngày 14/7/2017; cháu Đặng Công L1, sinh ngày 18/04/2020, mỗi cháu 1.000.000 đồng/ tháng cho đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi, thì ý kiến của anh không đồng ý ly hôn nên anh không yêu cầu giải quyết về con chung.

-Về tài sản chung, tài sản riêng; công sức; công nợ chung, nhà ở, quyền sử dụng đất; ruộng đất và các vấn đề khác: Anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà anh Đặng Văn C vắng mặt.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Điều 147, 227, 228; khoản 2-Điều

244 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Đặng Văn C.

2. Về con chung: Giao cháu Đặng Thị Hoài T1, sinh ngày 17/12/2009; cháu Đặng Hoài A, sinh ngày 14/7/2017; cháu Đặng Công L1, sinh ngày 18/04/2020 cho chị Nguyễn Thị L tiếp tục nuôi dưỡng. Anh C có quyền thăm nom con chung.

Về cấp dưỡng: Do chị L rút tại phiên tòa nên cần đình chỉ theo quy định tại khoản 2-Điều 244-Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn.

3. Về công nợ, tài sản chung: Chị Nguyễn Thị L và anh Đặng Văn C không yêu cầu giải quyết, nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí:

Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0003425 ngày 12/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh. Xác nhận chị Nguyễn Thị L đã nộp đủ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Ngày 13 tháng 11 năm 2025, Tòa án nhân dân Khu vực 2-Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh thụ lý vụ án theo đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị L xin ly hôn anh Đặng Văn C có nơi cư trú tại thôn B, xã H, tỉnh Bắc Ninh là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự;

[2] Về tố tụng: Anh Đặng Văn C vắng mặt lần thứ hai. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt là có căn cứ.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Đặng Văn C xác lập quan hệ hôn nhân là tự nguyện, hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật hôn nhân và gia đình, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện H, tỉnh Bắc Giang (nay là xã H, tỉnh Bắc Ninh), làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng là hôn nhân hợp pháp (Theo Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình). Căn cứ vào lời khai của hai bên, biên bản làm việc với địa phương thì Hội đồng xét xử, xét thấy chị L và anh C, sau khi về chung sống thời gian đầu chung sống bình thường, sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh C hay uống rượu, say xỉn, không có trách nhiệm đến vợ con, mặc dù đã được gia đình hai bên khuyên bảo nhưng anh C vẫn không thay đổi. Chị L đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống từ tháng 02 năm 2024 cho đến nay. Bản thân anh C không đồng ý ly hôn nhưng lại không có biện pháp cải thiện tình cảm vợ chồng, cũng như không lên Toà án làm việc. Như vậy, xét thấy mâu thuẫn giữa chị L và anh C đã trầm trọng, đời sống chung của chị L và anh C không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Chị Nguyễn Thị L và anh Đặng Văn C xác định có 04 con chung cụ thể; Cháu Đặng Thị N, sinh ngày 24/11/2002, hiện nay đã trưởng thành và đi làm, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết; cháu Đặng Thị Hoài T, sinh ngày 17/12/2009; cháu Đặng Hoài A, sinh ngày 14/7/2017; cháu Đặng Công L1, sinh ngày 18/04/2020. Hiện nay các con chung đang ở với chị Nguyễn Thị L, sức khỏe các cháu phát triển tốt. Khi ly hôn, chị Nguyễn Thị L xin nuôi cả 4 cháu. Các con chung đều có nguyện vọng được tiếp tục sinh sống cùng mẹ sau khi bố mẹ ly hôn. Xét về điều kiện, thời gian chăm sóc, nguyện vọng của các con chung, kinh tế của hai bên và để đảm bảo cuộc sống ổn định của các con chung, hiện các con chung đang ở cùng chị L, nên cần giao cả 03 con chung cho chị Nguyễn Thị L tiếp tục nuôi dưỡng.

Về vấn đề cấp dưỡng: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị L yêu cầu anh Đặng Văn C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị cho 03 cháu gồm cháu Đặng Thị Hoài T1, sinh ngày 17/12/2009; cháu Đặng Hoài A, sinh ngày 14/7/2017; cháu Đặng Công L1, sinh ngày 18/04/2020, mỗi cháu 1.000.000 đồng/ tháng cho đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi. Tuy nhiên, tại phiên tòa chị L xin rút đối với yêu cầu trên. Xét thấy việc rút yêu cầu về cấp dưỡng là hoàn toàn tự nguyện nên cần đình chỉnh theo khoản 2 Điều 244 -Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Nguyễn Thị L và anh Đặng Văn C không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí:

Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0003425 ngày 12/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh. Xác nhận chị Nguyễn Thị L đã nộp đủ.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 - Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 271; Điều 273; khoản 2-Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Điểm a khoản 5; khoản 6 - Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Đặng Văn C.

2. Về con chung: Giao cháu Đặng Thị Hoài T1, sinh ngày 17/12/2009; cháu Đặng Hoài A, sinh ngày 14/7/2017; cháu Đặng Công L1, sinh ngày 18/04/2020 cho chị Nguyễn Thị L tiếp tục nuôi dưỡng.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con sau khi ly hôn không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vấn đề cấp dưỡng: Đình chỉ đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con do chị Nguyễn Thị L rút.

3. Về công nợ, tài sản chung: Chị Nguyễn Thị L và anh Đặng Văn C không yêu cầu giải quyết, nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí:

Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0003425 ngày 12/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh. Xác nhận chị Nguyễn Thị L đã nộp đủ.

5. Về quyền kháng cáo:

-Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

-Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án.

6.Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều

6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND Khu vực 2 -Bắc Ninh;
-Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh;
- Phòng THADS Khu vực 2-Bắc Ninh;
- UBND xã Hiệp Hoà;
- Các đương sự;
- Lưu hs.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Sự